

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ba.

Ông Nguyễn Phúc Viễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Khả Á, sinh năm 2001 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Mai Hoàng L, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, nguyên đơn chị Phan Khả Á trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Á và anh Mai Hoàng L kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 08/8/2019, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 049. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024. Chị Á đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án, sau đó rút lại

đơn đề cho anh L cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị Á yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị Á và anh L có 01 con chung là cháu Mai Phương A, sinh ngày 20/02/2020. Khi ly hôn, chị Á yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Á không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Mai Hoàng L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Á.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Á có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Á. Về con chung: Giao cháu Phương A cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Khả Á yêu cầu ly hôn với anh Mai Hoàng L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi cư trú tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Phan Khả Á có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Mai Hoàng L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Á, anh L.

[3] Về hôn nhân: Chị Á và anh Lâm chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 049 ngày 08/8/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Á trình bày giữa chị và anh L xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị Á yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập anh L để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh L đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh L không phản đối yêu cầu của chị Á, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh L và chị Á không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị Á và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Á là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Á và anh L có 01 con chung là cháu Mai Phương A, sinh ngày 20/02/2020. Khi ly hôn, chị Á yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A. Anh L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Phương A đang sống chung với chị Á, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu nên cần thiết giao cháu cho chị Á được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh L được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Á yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Phương A mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng mà chị Á yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Á trình bày chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Á là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn, anh L chịu án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Khả Á, chị Á được ly hôn với anh Mai Hoàng L.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Phương A, sinh ngày 20/02/2020 cho chị Phan Khả Á trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Mai Hoàng L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

Anh Mai Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phương A hàng tháng. Mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Phan Khả Á phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008140 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên chị Á đã nộp xong án phí.

Anh Mai Hoàng L phải nộp 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Á, anh L vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm